

**CÔNG TY CỔ PHẦN LUCKWOOD**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LUCKWOOD

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LUCKWOOD JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110203267

**3. Ngày thành lập:** 08/12/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 8 ngách 1/2 đường 36M khu giãn dân Mỗ Lao, Phường Mỗ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0967616056

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4330        |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(Không bao gồm các mặt hàng Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4620        |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649        |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4663        |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8299        |
| 6.  | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 9524        |
| 7.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7410(Chính) |
| 8.  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1610        |
| 9.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1621        |
| 10. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1622        |
| 11. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1623        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1629 |
| 13. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ<br>- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                          | 4784 |
| 14. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4791 |
| 15. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3100 |
| 16. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4759 |
| 17. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Không bao gồm kinh doanh vàng miếng và tem, tiền kim khí) | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 360.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                           | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | LÊ ĐÌNH<br>CƯỜNG | Khu Quán Gôi,<br>Xã Vĩnh Hưng,<br>Huyện Bình<br>Giang, Tỉnh Hải<br>Dương, Việt Nam                                           | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 180.000       | 1.800.000.000            | 50,000       | 0300980117<br>65                                                                                                       |            |
|     |                  |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                              | Tổng số                            | 180.000       | 1.800.000.000            | 50,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                              |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | VŨ THỊ<br>THƯỚC  | S2.3401, toà nhà<br>Season Avenue,<br>khu đô thị Mỗ<br>Lao, Phường Mỗ<br>Lao, Quận Hà<br>Đông, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 90.000        | 900.000.000              | 25,000       | 0361830001<br>79                                                                                                       |            |
|     |                  |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                              | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                              | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                              | Tổng số                            | 90.000        | 900.000.000              | 25,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                                              |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                         |                                                                                                                  |                                    |        |             |        |                  |
|---|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | HOÀNG THỊ<br>KIM PHƯỢNG | Phòng 6 nhà D10,<br>Tập thể Dệt 8/3,<br>Phường Quỳnh<br>Mai, Quận Hai Bà<br>Trung, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 90.000 | 900.000.000 | 25,000 | 0301830014<br>59 |
|   |                         |                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                         |                                                                                                                  | Tổng số                            | 90.000 | 900.000.000 | 25,000 |                  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ ĐÌNH CƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 15/04/1998

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030098011765

Ngày cấp: 12/01/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu Quán Gỏi, Xã Vĩnh Hưng, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu Quán Gỏi, Xã Vĩnh Hưng, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội